Người ký: Sở Nội vụ
Email: vanphong@noivu.daklak.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Đắk Lắk
Thời gian ký: 08.04.2019 10:14:13 +07:00

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ NỘI VỤ

Số: 476/SNV-TCBC
V/v báo cáo điều chỉnh, bổ sung biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 4 năm 2019

Kính gửi:
- Sở Y tế;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Cục thống kê tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Công văn số 1495/BNV-TCBC ngày 05/4/2019 của Bộ Nội vụ về việc điều chỉnh, bổ sung biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế;

Để kịp thời tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ theo quy định; Sở Nội vụ đề nghị Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Cục Thống kê tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương báo cáo các nội dung sau:

1. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND cấp huyện:

a) Tổng hợp, báo cáo thực trạng về số trường, số lớp, số học sinh, số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hiện có tại thời điểm 31/3/2019 của từng cấp học: Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông. Nhu cầu giáo viên của năm học 2018-2019 tính theo định mức quy định (học sinh/lớp, giáo viên/lớp) và kinh phí chi trả cho số giáo viên tăng thêm (kèm theo Phụ lục số 1, 2, 3, 4). Đối với địa phương đang bố trí cao, thấp hơn định mức (học sinh/lớp, giáo viên/lớp) đề nghị có giải trình cụ thể.

b) Tổng hợp danh sách hợp đồng lao động giáo viên mầm non tại các cơ sở mầm non bán công đã chuyển sang công lập nhưng chưa được tính vào biên chế giáo viên của năm 2015 (kèm theo Phụ lục số 5).

c) Tổng hợp danh sách hợp đồng lao động giáo viên (Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông) trong chỉ tiêu biên chế từ năm 2015 trở về trước (kèm theo Phụ lục số 6).

d) Tổng hợp, báo cáo kết quả sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Đối với Sở Y tế:

a) Tổng hợp, báo cáo về số lượng giường bệnh và số viên chức làm việc tại các cơ sở y tế công lập của địa phương (kèm theo Phụ lục số 1A, 2A).

b) Tổng hợp danh sách cán bộ y tế xã, phường, thị trấn đang thực hiện hợp đồng theo Quyết định số 58/TTg ngày 03/02/1994 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số vấn đề về tổ chức và chế độ chính sách đối với y tế cơ sở (sau đây gọi tắt là Quyết định số 58/TTg) và Quyết định số 131/TTg ngày 04/3/1995 của Thủ

tướng Chính phủ sửa đổi một số điểm trong Quyết định số 58/TTg nhưng chưa được chuyển sang viên chức theo quy định tại Nghị định số 117/2014/NĐ-CP ngày 08/12/2014 của Chính phủ Quy định về Y tế xã, phường, thị trấn (kèm theo Phụ lục số 3A).

3. Đối với Cục thống kê tỉnh:

Đề nghị Cục thống kê cung cấp số liệu tổng hợp về dân số của tỉnh năm 2015, 2016, 2017 và năm 2018 (trong đó báo cáo rõ về dân số tăng tự nhiên, dân số tăng cơ học của từng năm và chia theo từng huyện, thị xã, thành phố).

Các đơn vị download biểu mẫu kèm theo Công văn này tại trang Web của Sở Nội vụ địa chỉ http://sonoivu.daklak.gov.vn/ (Mục thông báo).

Nhận được Công văn này, đề nghị các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện vào báo cáo kết quả về Sở Nội vụ trước ngày **12/4/2019** kèm theo file mềm vào địa chỉ: phongtcbmdt@noivu.daklak.gov.vn để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nội vụ theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Phòng Nội vụ các huyện, TX, TP;
- Giám đốc; PGĐ (đ/c Phước);
- Lưu: VT, TCBC (b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Phước

SỞ Y TẾ

PHỤ LỤC SỐ 1A

TỔNG HỢP CƠ SỞ Y TẾ, SỐ GIƯỜNG BỆNH, VIÊN CHỨC, LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG TRONG CÁC CƠ SỞ Y TẾ CÔNG LẬP CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN

(Kèm theo Công văn số: 476 /SNV-TCBC ngày 05 /4/2019 của Sở Nội vụ)

STT	Nội dung	Số giao năm 2015			Số giao năm 2019			Có mặt 31/3/2019			Nhu cầu cần bổ sung năm 2019		
		Giường bệnh	Biên chế sự nghiệp	Hợp đồng lao động theo NĐ 68	Giường bệnh	Biên chế sự nghiệp	Hợp đồng lao động theo NĐ 68	Giường bệnh	Biên chế sự nghiệp	Hợp đồng lao động theo NĐ 68	Biên chế sự nghiệp	Kinh phí tăng thêm	Hợp đồng lao động theo NĐ 68
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
A	**Công**												
I	**Cấp tỉnh**												
1	Bệnh viện…												
2	….												
..	….												
..	Trung tâm ….												
..	Trung tâm….												
	……												
II	**Cấp huyện**												
1	Trung tâm…												
..	…												
..	…												

NGƯỜI LẬP BIỂU

…, ngày…..tháng …..năm……

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

(Ký tên, đóng dấu)

SỞ Y TẾ

PHỤ LỤC SỐ 2A

TỔNG HỢP VỀ TRẠM Y TẾ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN VÀ BIÊN CHẾ NĂM 2019

(Đính kèm Công văn số ~~416~~/SNV-TCBC ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Sở Nội vụ)

STT	Tên đơn vị	Dân số năm 2018	Định mức biên chế/trạm y tế	Năm 2015		Năm 2019		Số có mặt				Nhu cầu cần bổ sung năm 2019	
				Biên chế được giao	Hợp đồng được giao	Biên chế được giao	Hợp đồng được giao	Viên chức		Hợp đồng lao động		Biên chế sự nghiệp	Kinh phí tăng thêm
								Năm 2015	Năm 2019	Năm 2015	Năm 2019		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Cộng (I+II+...)												
I	**Huyện A**												
1	Trạm y tế xã....												
2	Trạm y tế xã....												
3	....												
I	**Huyện B**												
1	Trạm y tế xã....												
2	Trạm y tế xã....												
3	....												

NGƯỜI LẬP BIỂU

..., ngày tháng năm...

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

(Ký tên, đóng dấu)

SỞ Y TẾ

PHỤ LỤC SỐ 3A

DANH SÁCH CÁN BỘ TRẠM Y TẾ XÃ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG CHƯA CHUYỂN THÀNH VIÊN CHỨC THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 117

(Đính kèm Công văn số 4376/BNV-TCBC ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Bộ Nội vụ)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Công việc thực hiện	Ngày tháng năm ký hợp đồng	Cơ quan, đơn vị ký hợp đồng	Tiền lương tháng hiện hưởng	Số năm đóng BHXH
			Trình độ đào tạo	Ngành đào tạo					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	**Trạm A**								
1	Nguyễn Thị A								
2	Bùi Thị …								
..	…								
..	…								
II	**Trạm B**								
1	Nguyễn Thị A								
2	Bùi Thị …								
..	…								
..	…								
..	**Trạm ..**								
	Tổng cộng:								

NGƯỜI LẬP BIỂU

…, ngày…..tháng …..năm……

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN .. ...

PHỤ LỤC SỐ 1

TỔNG HỢP SỐ TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH, CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN, TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON CÔNG LẬP NĂM HỌC 2018-2019

(Đính kèm Công văn số 476/SNV-TCBC ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Sở Nội vụ)

STT	Tên đơn vị/trường	Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Học 1 buổi/ngày						Học 2 buổi/ngày						Số biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm học 2018-2019				Số có mặt 31/3/2019				Biên chế tính theo định mức				Nhu cầu giáo viên đề xuất bổ sung	Nhu cầu kinh phí cần bổ sung
				Từ 3 tháng - 12 tháng hoặc từ 3-4 tuổi		Từ 13 tháng 24 tháng hoặc từ 4 -5 tuổi		Từ 25 tháng - 36 tháng hoặc từ 5-6 tuổi		Từ 13 tháng 24 tháng hoặc từ 4 -5 tuổi		Từ 13 tháng 24 tháng hoặc từ 4 -5 tuổi		Từ 25 tháng 36 tháng hoặc từ 5-6 tuổi		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
				Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh		Quản lý	Giáo viên	Nhân viên		Quản lý	Giáo viên	Nhân viên		Quản lý	Giáo viên	Nhân viên		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*	*30*
	Cộng																												
	- Nhà trẻ																												
	- Mẫu giáo																												
1	**Trường A**																												
	- Nhà trẻ																												
	- Mẫu giáo																												
2	**Trường B**																												
	- Nhà trẻ																												
	- Mẫu giáo																												

NGƯỜI LẬP BIỂU

..., ngày tháng năm...

CHỦ TỊCH UBND .....

(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN.... ...

PHỤ LỤC SỐ 2

TỔNG HỢP SỐ TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH, CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN, LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG TRONG CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC CÔNG LẬP

(Kèm theo Công văn số: 476 /SNV-TCBC ngày 05/4/2019 của Sở Nội vụ)

STT	Tên trường	Năm học 2015-2016					Năm học 2018-2019																		
		Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Biên chế sự nghiệp được giao	Hợp đồng CM, NV (nếu có)	Hợp đồng lao động theo NĐ 68	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Tổng số lớp học 2 buổi	Tổng số học sinh học 2 buổi	Số biên chế sự nghiệp được giao	Số có mặt 31/3/2019					Nhu cầu giáo viên đề xuất bổ sung	Nhu cầu kinh phí cần bổ sung
							Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh				Quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Hợp đồng CM, NV (nếu có)	Hợp đồng lao động theo NĐ 68		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*
	Cộng																									
1	Trường A																									
2	Trường B																									
..	....																									
..	....																									

Ghi chú: Đối với trường phổ thông nhiều cấp học ghi số lớp, học sinh, giáo viên cấp học theo cấp học ghi tại Phụ lục

NGƯỜI LẬP BIỂU

..., ngày tháng năm...

CHỦ TỊCH UBND.....

(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN .....

PHỤ LỤC SỐ 3

TỔNG HỢP SỐ TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH, CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN, LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG TRONG CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ CÔNG LẬP

(Kèm theo Công văn số: 406 /SNV-TCBC ngày 05 /4/2019 của Sở Nội vụ)

STT	Tên trường	Năm học 2015-2016					Năm học 2018-2019															
		Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Biên chế sự nghiệp được giao	Hợp đồng CM, NV (nếu có)	Hợp đồng lao động theo NĐ 68	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Số biên chế sự nghiệp được giao	Số có mặt 31/3/2019					Nhu cầu giáo viên đề xuất bổ sung	Nhu cầu kinh phí cần bổ sung
							Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh		Quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Hợp đồng CM, NV (nếu có)	Hợp đồng lao động theo NĐ 68		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*
	Cộng																					
1	Trường A																					
2	Trường B																					
..	....																					
..	....																					

Ghi chú: Đối với trường phổ thông nhiều cấp học ghi số lớp, học sinh, giáo viên cấp học theo cấp học ghi tại Phụ lục

NGƯỜI LẬP BIỂU

..., ngày tháng năm...

CHỦ TỊCH UBND.....

(Ký tên, đóng dấu)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC SỐ 4

TỔNG HỢP SỐ TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH, CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN, LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG TRONG CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP

(Kèm theo Công văn số: 476 /SNV-TCBC ngày 05 /4/2019 của Sở Nội vụ)

STT	Tên trường	Năm học 2015-2016					Năm học 2018-2019													
		Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Biên chế sự nghiệp được giao	Hợp đồng CM, NV (nếu có)	Hợp đồng lao động theo NĐ 68	Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12		Số biên chế sự nghiệp được giao	Số có mặt 31/3/2019					Nhu cầu giao viên cần bổ sung	Nhu cầu kinh phí cần bổ sung
							Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh		Quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Hợp đồng CM, NV (nếu có)	Hợp đồng lao động theo NĐ 68		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*
	Cộng																			
1	Trường A																			
2	Trường B																			
..	....																			
..	....																			

Ghi chú: Đối với trường phổ thông nhiều cấp học ghi số lớp, học sinh, giáo viên cấp học theo cấp học ghi tại Phụ lục

..., ngày tháng năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN...

PHỤ LỤC SỐ 5

DANH SÁCH HỢP ĐỒNG GIÁO VIÊN MẦM NON TẠI CÁC TRƯỜNG BÁN CÔNG CHUYỂN SANG TRƯỜNG CÔNG LẬP CHƯA ĐƯỢC TÍNH VÀO BIÊN CHẾ NĂM 2015

(Đính kèm Công văn số 476/SNVV-TCBC ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Sở Nội vụ)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm ký hợp đồng lao động	Công việc đang làm	Số Quyết định hoặc hợp đồng lao động	Tiền lương tháng hiện hưởng	Số năm đóng BHXH
			Trình độ đào tạo	Ngành đào tạo					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	**Trường A**								
1	Nguyễn Thị A								
2	Bùi Thị ...								
..	...								
..	...								
II	**Trường B**								
1	Nguyễn Thị A								
2	Bùi Thị ...								
..	...								
..	...								
...	**Trường ...**								
..	...								
..	...								
	Tổng cộng:								

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký tên)

..., ngày.....tháng .....năm.....
CHỦ TỊCH UBND .....
(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ ....

PHỤ LỤC SỐ 6

DANH SÁCH HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG GIÁO VIÊN TRONG BIÊN CHẾ TỪ NĂM 2015 TRỞ VỀ TRƯỚC

(Đính kèm Công văn số 496/BNV-TCBC ngày 05/4/2019 của Bộ Nội vụ)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn		Ngày tháng năm ký hợp đồng lao động	Công việc đang làm	Số Quyết định hoặc hợp đồng lao động	Tiền lương tháng hiện hưởng	Số năm đóng BHXH
			Trình độ đào tạo	Ngành đào tạo					
1	2	3		5	6	7	8	9	10
A	**Mầm non**								
I	Trường A								
1	Nguyễn Thị A								
..	...								
II	Trường B								
..	...								
B	**Tiểu học**								
I	Trường A								
1	Nguyễn Thị A								
..	...								
II	Trường B								
..	...								
C	**Trung học cơ sở**								
I	Trường A								
1	Nguyễn Thị A								
..	...								
II	Trường B								
..	...								
D	**Trung học phổ thông**								
I	Trường A								
1	Nguyễn Thị A								
..	...								
II	Trường B								
..	...								
	Tổng cộng:								

NGƯỜI LẬP BIỂU

..., ngày.....tháng .....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ